

CÔNG VĂN GIẢI TRÌNH

(về biến động kết quả kinh doanh năm 2021 so với năm 2022 và chênh lệch số liệu BCTC quý 4 so với báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán)

Kính gửi: Ủy Ban chứng khoán nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM (HOSE)
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)
Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam

Theo quy định tại Thông tư số tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 hướng dẫn về việc công bố thông tin trên TTCK, trường hợp lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ công bố báo cáo so với báo cáo cùng kỳ năm trước có biến động từ 10% trở lên và báo cáo tài chính quý 4 đã công bố so với báo cáo tài chính năm được kiểm toán có sự chênh lệch 5% trở lên thì công ty chứng khoán phải giải trình rõ nguyên nhân dẫn đến những biến động

Nay, công ty cổ phần chứng khoán KIS Việt Nam (gọi tắt là “công ty”) làm công văn giải trình về những biến động này như sau :

A. Kết quả kinh doanh của năm 2022 (kỳ báo cáo) so với năm 2021 như sau:

Chỉ tiêu	Năm này	Năm trước	Tăng (+) Giảm (-)	Tỷ lệ tăng giảm (%)
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG	-	-		
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	1,458,488,964,894	1,665,881,885,627	(207,392,920,733)	-12%
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	108,829,822,218	40,894,521,022	67,935,301,196	166%
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	472,481,057,275	496,535,398,365	(24,054,341,090)	-5%
1.5. Lãi từ các công cụ phái sinh phòng ngừa rủi ro	538,795,174,000	345,154,974,000	193,640,200,000	56%
1.6. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	377,100,040,310	464,215,452,181	(87,115,411,871)	-19%
1.9. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	5,115,413,009	4,594,171,916	521,241,093	11%
1.10. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	4,730,500,000	7,340,000,000	(2,609,500,000)	-36%
1.11. Thu nhập hoạt động khác	5,542,631,227	2,095,220,792	3,447,410,435	165%
Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01-->11)	2,971,083,602,933	3,026,734,078,751	(55,650,475,818)	-2%

2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	1,595,029,579,586	1,256,910,329,092	338,119,250,494	27%
2.4. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	202,229,188,512	109,277,634,266	92,951,554,246	85%
2.5. Lỗ từ các tài sản tài chính phái sinh phòng ngừa rủi ro	350,656,794,000	396,866,085,000	(46,209,291,000)	-12%
2.6. Chi phí hoạt động tự doanh	7,571,822,038	107,901,799,775	(100,329,977,737)	-93%
2.7. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	265,122,929,711	310,645,739,219	(45,522,809,508)	-15%
2.11. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	8,074,354,115	3,961,561,951	4,112,792,164	104%
Cộng chi phí hoạt động (40 = 21-->32)	2,434,456,723,216	2,190,593,139,220	243,863,583,996	11%
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	-	-	-	
3.1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	8,614,549,658	26,308,610,410	(17,694,060,752)	-67%
3.4. Doanh thu khác về đầu tư	879,532,279	1,125,750,654	(246,218,375)	-22%
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH	-	-	-	
4.1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	157,015,642,930	4,171,115,371	152,844,527,559	3664%
4.2. Chi phí lãi vay	26,984,851,492	30,696,025,599	(3,711,174,107)	-12%
Cộng chi phí tài chính (60 = 51-->54)	184,000,494,422	34,867,140,970	149,133,353,452	428%
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	179,915,050,187	121,445,150,822	58,469,899,365	48%
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)	149,099,341,476	547,734,233,384	(398,634,891,908)	-73%

Trong năm 2022, lợi nhuận sau thuế của công ty đạt 149 tỷ đồng, giảm 398 tỷ đồng (tỷ lệ giảm 73%) so với cùng kỳ năm trước chủ yếu như sau :

- Lợi nhuận hoạt động tự doanh, mua bán chứng khoán và chứng quyền đạt 44 tỷ (đã trừ chi phí và lỗ) giảm 205 tỷ so với kỳ trước
- Doanh thu hoạt động nghiệp vụ môi giới giảm 41 tỷ (đã trừ chi phí tương ứng), Doanh thu nghiệp vụ cho vay margin, ứng trước giảm 24 tỷ (29%)

- Ngoài ra công ty còn lỗ chênh lệch tỷ giá do thanh toán, đánh giá chênh lệch tỷ giá các khoản vay có gốc ngoại tệ, chi phí tăng 152.8 tỷ so với kỳ trước

B. Chênh lệch số liệu báo cáo tài chính quý 4 so với báo cáo tài chính năm đã kiểm toán.

Chỉ tiêu	Quý 4/2022 Sau kiểm toán	Quý 4/2022 Trước kiểm toán	Tăng (+) Giảm (-)	Tỷ lệ tăng giảm (%)
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)	24,777,287,940	20,721,486,731	4,055,801,209	20%

Do Công ty tính lại khoản trích lập dự phòng, giảm số trích dự phòng so với báo cáo quý 4 đã công bố.

Trên đây là những nguyên nhân dẫn đến sự chênh lệch về kết quả kinh doanh năm 2022 so với cùng kỳ năm trước và chênh lệch số liệu báo cáo tài chính quý 4 so với báo cáo kiểm toán của Công ty CP chứng khoán KIS Việt Nam.

Trân trọng!

Tổng giám đốc 

Park Won Sang



